

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /BC-TĐS-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO
Thường niên năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
- Tên tiếng Anh: SPECIAL AQUATIC PRODUCTS JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: SEASPIMEX-VIETNAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302598530, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 09 tháng 9 năm 2025.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm lẻ tám tỷ đồng chẵn*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 51/14 Hòa Bình, P. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (028) 37608215
- Số fax: (028) 37608213
- Website: www.seaspimex.com.vn
- Email: info@seaspimex.vnn.vn
- Mã cổ phiếu: SPV
- Quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Ngày 01/09/1983, Công ty Xuất nhập khẩu Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX VIETNAM) được hình thành trên cơ sở tách Phòng Kinh doanh của Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam (SEAPRODEX VIETNAM), đánh dấu bước phát triển lớn mạnh của Tổng Công ty Thủy sản nói riêng và Ngành thủy sản lúc bấy giờ nói chung.

Ngày 11/01/2002, Công ty Xuất nhập khẩu Thủy Đặc Sản hoàn tất thủ tục cổ phần hóa, được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX - VIETNAM).

Trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển, Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản – (SEASPIMEX - VIETNAM) đã góp một phần không nhỏ vào công cuộc đổi mới đất nước.

Với sự lớn mạnh của mình, Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản được nhà nước phong tặng “*Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới*” và được Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam chọn là đơn vị đầu tiên trong ngành về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty đã chủ động tự cân đối, tự trang trải nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ hoạch định những chiến lược đúng hướng nên việc sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được mở rộng, cụ thể:

+ Ngày 01/09/2008, Nhà máy Bình Chánh đã đưa vào hoạt động với công suất hơn 15.000 tấn thành phẩm/năm.

+ Ngày 01/01/2011, Công ty chính thức trình diện bộ nhận diện thương hiệu mới cho tất cả các hạng mục: Logo, các ấn phẩm văn phòng, trang web, bao bì cho toàn bộ sản phẩm...

Từ khi thành lập, Công ty luôn chú trọng tập trung vào chất lượng sản phẩm và phát triển các sản phẩm thủy hải sản giá trị gia tăng mới cho thị trường. Vì vậy, thương hiệu Seaspimex luôn tự hào được tin tưởng ở cả thị trường Việt Nam và quốc tế với phương châm “*Chất Lượng Tạo Nên Sự Khác Biệt*”

- Niêm yết: Cổ phiếu Công ty chưa niêm yết, hiện đăng ký giao dịch UPCOM.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Các ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản <i>Chi tiết: Sản xuất thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)</i>	1080
2	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản <i>Chi tiết: Chế biến, đóng hộp thủy hải sản; dịch vụ bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)</i>	1020 (Chính)
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ cho thuê nhà, kho, kho lạnh.</i>	6810

- Địa bàn kinh doanh: Sản phẩm Công ty phần lớn xuất khẩu sang các thị trường Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á và tiêu thụ tại thị trường nội địa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị Công ty (gồm 05 thành viên):

- Ông Huỳnh An Trung Chủ tịch
- Ông Lê Vĩnh Hòa Thành viên
- Ông Diệp Nam Hải Thành viên
- Bà Nguyễn Kim Hậu Thành viên
- Ông Lê Văn Hùng Thành viên

Ban Kiểm soát Công ty (gồm 03 thành viên):

- Ông Phạm Văn Tranh Trưởng ban
- Bà Lê Cao Thùy Linh Thành viên
- Ông Phạm Xuân Quang Thành viên

Ban Điều hành Công ty (gồm 03 thành viên):

- Bà Nguyễn Kim Hậu Tổng Giám đốc
- Ông Đặng Thành Trung Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trương Minh Thông Kế toán trưởng

Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản bao gồm các phòng ban, phân xưởng, chi nhánh, địa điểm kinh doanh sau:

- Phòng Kế toán – Tài chính;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;
- Phòng Kinh doanh Nội địa;
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu;
- Phòng Kho, Kế hoạch & Cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Phòng Quản lý chất lượng;
- Phòng Nghiên cứu và phát triển sản phẩm;
- Phòng Kỹ thuật – Cơ điện;
- Các phân xưởng sản xuất: Phân xưởng Cá Hồi, Phân xưởng Đồ Hộp, Phân xưởng Súc Sản, Phân xưởng Đông Lạnh.
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản – Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri

+ Địa chỉ: Xã Tân Thủy, tỉnh Vĩnh Long

+ Khuôn viên: 5.000m²

+ Công suất: 2.000 tấn/ năm

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, chế biến các sản phẩm hải sản đông lạnh như tôm càng, bạch tuộc, đùi ếch...

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tại Hà Nội

+ Địa chỉ : 30-32 Hòa Mã, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

+ Điện thoại : 024. 37711168 - 024. 37712498

+ Fax : 024. 37719431

Là đơn vị được ủy quyền quản lý, ký kết các hợp đồng và bán hàng cho thị trường từ Thành phố Vinh trở ra Bắc.

- Địa điểm kinh doanh: Nhà máy Chế biến thủy sản.

Địa chỉ : B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 37608215

Fax : (028) 37608213

Khuôn viên : 30.000m²

Công suất : 15.000 tấn/ năm

- Các công ty con, công ty liên kết: *Không có*

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỷ suất lợi nhuận tối ưu.

Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo Quy định của Nhà nước, thực hiện tốt các chính sách thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

Không ngừng nâng cao đời sống cho CB.CNV Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật lao động (tham gia BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV...).

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Khai thác tối đa công suất các phân xưởng, tăng tính hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững, ổn định và lâu dài cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện bộ máy quản lý theo chiều hướng tinh gọn và hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

Xây dựng và quảng bá hình ảnh Công ty, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đầu tư cho hệ thống phân phối thị trường nội địa, giữ vững uy tín và chất lượng sản phẩm.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Hưởng ứng và tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm, phòng chống lãng phí.

Tạo công ăn việc làm cho người lao động có thu nhập ổn định và không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động.

Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn, trợ cấp khó khăn cho người lao động bằng phương thức cho vay không tính lãi, cấp học bổng cho con CB.CNV học giỏi có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức thăm hỏi các CB.CNV khi ốm đau, thai sản và tặng quà cho CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn và dịp Tết Nguyên đán ...

5. Các rủi ro

Nguồn nguyên liệu không ổn định, cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt; Chính sách và quy định chặt chẽ của thị trường Châu Âu ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng kịp thời các đơn hàng của khách hàng.

Lực lượng lao động so với công suất của máy móc thiết bị đang thiếu hụt, chưa đáp ứng; hiện tại rất khó tuyển dụng do đặc thù của ngành chế biến thủy sản.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Ngay từ đầu năm 2025 tình hình sản xuất kinh doanh các thị trường xuất khẩu và nội địa được duy trì ổn định, Công ty đảm bảo các nguồn lực đáp ứng nhu cầu kinh doanh và hoạt động sản xuất cho 2 Nhà máy Bình Chánh và Ba Tri.

Hoạt động kinh doanh nội địa được mở rộng thông qua các kênh phân phối khu vực Miền Tây, tiếp tục xúc tiến hợp tác với các nhà phân phối khu vực các tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương – TP. Hồ Chí Minh, Cambodia.

Đội ngũ Cán bộ quản lý, lực lượng lao động lành nghề được duy trì ổn định; nguồn lực lao động trực tiếp được điều phối linh hoạt đáp ứng yêu cầu các bộ phận sản xuất.

Công ty duy trì công tác phát triển và cải tiến sản phẩm, triển khai đầu tư các thiết bị sản xuất hiện đại đảm bảo sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, chất lượng ổn định đáp ứng đúng yêu cầu thị trường và các mục tiêu kinh doanh; tập trung phát triển đa dạng sản phẩm xích tiết trùng nhằm đáp ứng tốc độ tăng trưởng kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các sản phẩm: Pate gan, xúc xích tươi xông khói, chả lụa, lạp xưởng tươi...

Hoạt động sản xuất gia công XK được xác định là một trong những mảng chính được khai thác ổn định qua nhiều năm, mối quan hệ hợp tác với các khách hàng gia công trong và ngoài nước duy trì tốt đẹp, nhiều cơ hội mở rộng thêm nhóm khách hàng mới.

Duy trì đầy đủ các chứng chỉ quốc tế: BRC, IFS, HACCP, Halal, SA 8000, MSC... phục vụ công tác kinh doanh trong nước và xuất khẩu.

Hoạt động sản xuất Chi nhánh Ba Tri đã đi vào ổn định, Chi nhánh đã triển khai hợp tác với các nhà cung cấp tại các địa phương khai thác các nguồn nguyên liệu có thể mạnh để duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất.

Nguồn vốn được cơ cấu đảm bảo đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó vẫn còn khó khăn:

Tình hình các nước khu vực Châu Âu vẫn tiềm tàng nguy cơ bất ổn, ảnh hưởng trực tiếp hoạt động kinh doanh XK các nhóm hàng Cá đóng hộp, đùi ếch đông lạnh. Việt Nam vẫn chưa tháo gỡ thẻ vàng của Châu Âu cho thủy sản xuất khẩu song song đó các thủ tục khai báo nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt cho hàng hóa xuất khẩu vào EU ngày càng nghiêm ngặt càng gia tăng khó khăn cho công tác XK.

Về hoạt động XK vào thị trường Mỹ, cơ quan NOAA (Hoa Kỳ) yêu cầu Việt Nam cung cấp bằng chứng đảm bảo khai báo chương trình MPPA tương đương cho các ngành nghề đánh bắt khai thác, nhằm mục tiêu bảo vệ các loài động vật biển có nguy cơ cao bị ảnh hưởng từ hoạt động đánh bắt thương mại các loài thủy sản. Đến thời hạn phía NOAA yêu cầu, phía Việt Nam không cung cấp đủ dữ liệu chứng minh việc đánh bắt Cá ngừ, ghe để được công nhận tương đương theo đạo luật MPPA nguy cơ các sản phẩm Cá ngừ và ghe

đóng hộp sẽ cấm XK vào Mỹ từ ngày 01/01/2026 ước tính nguy cơ trong năm 2026 sẽ thiệt hại về doanh thu từ các nhóm hàng XK này khoảng 150 tỷ đồng và lợi nhuận 15 tỷ đồng.

Đối với ngành hàng đùi ếch XK, EU và Mỹ tiếp tục kiểm soát chặt chất lượng hàng hóa về: vi sinh, dư lượng kháng sinh dẫn đến các cơ quan quản lý chất lượng Việt Nam áp đặt các thủ tục kiểm tra giám sát nguồn nguyên liệu nuôi trồng gây khó khăn cho công tác kinh doanh ếch xuất khẩu, đầu quý III/2025 Nhà nước thay đổi về địa giới và tổ chức lại bộ máy hành chính gây ách tắc cho các thủ tục cung cấp giấy tờ xác minh nguồn gốc nuôi trồng.

Ngày 01/8/2025 phía Mỹ thông báo chính thức áp dụng thuế suất 20% cho hàng xuất khẩu của Việt Nam vào Mỹ, trong khi đó mức thuế áp cho các nước Đông Nam Á lân cận: Thái Lan, Indonesia, Philippines, Cambodia, Malaysia chỉ áp dụng mức 19% dẫn đến làm giảm năng lực cạnh tranh của hàng hóa từ Việt Nam so với các nước trong khu vực.

Nguồn cung nguyên liệu từ khai thác cho sản xuất kinh doanh phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên, cũng như luôn luôn phải chịu áp lực cạnh tranh giá mua trên thị trường.

Công tác tuyển dụng bổ sung để duy trì nguồn lực lao động trực tiếp gặp nhiều khó khăn nguyên nhân chính do nguồn lực lao động phổ thông bị phân tán về các địa phương, đặc biệt do điều kiện môi trường và thời gian làm việc nên ngành chế biến thủy sản không còn là ưu tiên lựa chọn của người lao động.

Cơ sở hạ tầng trang thiết bị phục vụ sản xuất ngày càng xuống cấp, lạc hậu ảnh hưởng trực tiếp năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm không ổn định.

Nhà xưởng và trang thiết bị Nhà máy Ba Tri sau thời gian dài vận hành phần lớn hư hỏng cần có phương án đầu tư thay thế. Một số đang sử dụng thường xuyên phát sinh chi phí sửa chữa, duy trì để không gián đoạn hoạt động sản xuất.

Các bộ phận sản xuất phần lớn sử dụng lao động thủ công, vì vậy Công ty luôn phải chịu gánh nặng chi phí cho tiền lương và các khoản phải trả theo quy định.

Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo, Điều hành Công ty đã nỗ lực để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao, cụ thể kết quả thực hiện năm 2025:

STT	Khoản mục	ĐVT	Lũy kế cùng kỳ	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh KH	So sánh cùng kỳ
1	2	3	4	5	6	7=6/5	8=6/4
Tổng cộng toàn Công ty							
	Tổng DT thuần	tỷ đồng	564.53	550.00	691,35	125,27	122,50
	Doanh thu xuất khẩu	triệu USD	18.10	18.40	20.47	111.26	113.12
	Sản lượng sản xuất	tấn	3,522.31	2,740.00	4,262.86	155.58	121.02
	Sản lượng gia công	tấn	5,067.14	4,820.00	4,633.16	96.12	91.44
	Lợi nhuận TT	tỷ đồng	27.75	25.00	46.32	185.28	166.92
a. Nhà máy Bình Chánh (đã loại trừ DT nội bộ 28,2 tỷ)							
	Doanh thu	tỷ đồng	542.74	520.00	683,54	131,45	125,94
	Doanh số xuất khẩu	triệu USD	17.44	17.2	20.47	119.02	117.41
	Kinh doanh XK	tỷ đồng	454,07	430.0	573,42	133,35	126,28
	Kinh doanh nội địa	tỷ đồng	88.67	90.0	110.12	122.36	124.19
	Sản lượng sản xuất	tấn	2,754.70	2,500.0	3,293.80	131.75	119.57
	Sản lượng gia công	tấn	5,067.14	4,820.0	4,633.16	96.12	91.44

STT	Khoản mục	ĐVT	Lũy kế cùng kỳ	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh KH	So sánh cùng kỳ
1	2	3	4	5	6	7=6/5	8=6/4
	Lợi nhuận TT	tỷ đồng	23.42	23.64	39.68	168.10	169.40
	- Kinh doanh XK	tỷ đồng	18.74	18.6	34.08	183.20	181.90
	- Kinh doanh nội địa	tỷ đồng	4.68	5.0	5.60	111.98	119.66
b. Chi nhánh Ba Tri (đã loại trừ DT nội bộ 57 tỷ)							
	Doanh thu	tỷ đồng	21.79	30.0	7.81	26,03	35,84
	Doanh số xuất khẩu	triệu USD	0.66	1.2		-	-
	Sản lượng sản xuất	tấn	767.61	240.0	969.06	403.78	126.24
	Lợi nhuận TT	tỷ đồng	4.33	1.4	6.64	474.28	153.22
c. Chi nhánh Hà Nội (đã tính trong KDND)							
	Doanh thu	tỷ đồng	5.05		3.15		62.39
	Lợi nhuận TT	tỷ đồng					

(Số liệu doanh thu năm 2025 đã loại trừ DT nội bộ: 85,2 tỷ đồng)

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban Điều hành:

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Thâm niên công tác	Chức vụ	Sở hữu CP (%)
1	Nguyễn Kim Hậu	Nữ	12/5/1984	Cử nhân Kinh tế	01/5/2021 Bổ nhiệm 18/3/2024	TGD	0,00
2	Đặng Thành Trung	Nam	16/02/1979	Kỹ sư Điện, Điện tử	03/5/2019 Bổ nhiệm 10/02/2023	Phó TGD	0,00
3	Trương Minh Thông	Nam	23/11/1981	Cử nhân Kinh tế	01/02/2020	KTT	0,15

- Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2025: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

+ Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2025: 740 LĐ

+ Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 10.583.577 đồng.

- Các chính sách đối với người lao động:

+ Duy trì được đội ngũ lao động lành nghề, đảm bảo thu nhập cho Người lao động, chi trả lương đủ và đúng hạn cho Người lao động.

+ Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV. Năm 2025 đã tăng 15% tiền ăn trưa giữa ca cho người lao động.

+ Hỗ trợ xe đưa rước CB.CNV ở xa nhà máy, hỗ trợ tiền thuê nhà cho Công nhân ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty. Tặng quà sinh nhật, tổ chức tham quan nghỉ dưỡng....

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị đầu tư (đồng)
1	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	VNĐ	0
2	Đầu tư dài hạn khác	VNĐ	1.116.230.738
Tổng cộng		VNĐ	1.116.230.738

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	402.187	449.779	11,83
Doanh thu thuần	564.528	691.358	22,47
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.294	47.157	55,66
Lợi nhuận khác	(2.540)	(837)	-67,20
Lợi nhuận trước thuế	27.753	46.320	66,90
Lợi nhuận sau thuế	21.328	38.681	81,36
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	5	30	600
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,17	1,25
Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,43	0,75
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	55,46	53,61
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	124,53	115,57
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,52	1,62
Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,86	4,17
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,78	5,59
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,75	9,08
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,35	19,95

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.800.000 cổ phần

(Mười triệu tám trăm ngàn cổ phần).

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Tính đến ngày 02/02/2026 (Ngày đăng ký cuối cùng, danh sách do VSDC cung cấp), Công ty có 365 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
A	Cổ đông trong nước	357	10.590.700	98,062
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông Tổ chức	6	7.932.961	73,453
3	Cổ đông cá nhân	351	2.657.739	24,609
B	Cổ đông Nước ngoài	8	209.300	1,938
	TỔNG CỘNG	365	10.800.000	100
	Trong đó:			
	+ Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% CP)	4	7.755.341	71,809
	+ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0 %			

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Quá trình tăng vốn của Công ty kể từ khi trở thành công ty cổ phần:

Ngày 15/04/2002, Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302598530 với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 68.000.000.000 đồng.

Năm 2007, Công ty tăng vốn điều lệ từ 68.000.000.000 đồng lên 108.000.000.000 đồng, chi tiết:

- Vốn điều lệ trước phát hành: **68.000.000.000** đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: **108.000.000.000** đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng

Phát hành thêm cổ phiếu

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 30%
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 15/5/2007
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 204.000 cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu thưởng

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 05%
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 15/5/2007
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 34.000 cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông lớn

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 162.000 cổ phiếu
- Cơ sở pháp lý:

• Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 27/04/2007 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản về việc tăng vốn;

• Thông báo số 142/SPM ngày 16/05/2007 của HĐQT về việc triển khai phát hành cổ phiếu để tăng vốn;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302598530 thay đổi lần thứ 5.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không có giao dịch

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty năm 2025

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp;

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Nguyên liệu được sử dụng sản xuất và đóng gói SP trong năm 2025:

Nhà máy Bình Chánh : 12.060.093 kg

Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri : 53.128,3 kg

Tổng cộng : 12.113.221,3 kg

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

STT	Loại năng lượng	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Điện	KWh	8.497.914	893.068	9.390.982
2	Dầu DO	Lít	1.800	27.651,1	29.451,1
3	Củi thanh cây	Kg	3.210.550	0	3.210.550

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục và khai thác nước ngầm.

Stt	Nguồn cung cấp nước	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Thủy cục	m ³	4.806	3.722	8.528
2	Khai thác nước ngầm	m ³	55.128	0	55.128

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2025: 740 người.

Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 10.583.577 đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước người lao động ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho công nhân ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Về xuất khẩu

Doanh thu lũy kế năm 2025 đạt 573,42 tỷ đồng, lợi nhuận 34,08 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh XK tiếp tục duy trì các ngành hàng chủ lực: đùi ếch đông lạnh XK vào EU và Mỹ, thịt ghẹ đóng hộp. Tuy nhiên ngành hàng Cá hộp XK vẫn còn gặp nhiều khó khăn về giá, thị trường EU kiểm soát bằng chứng nhận C/c các lô hàng xuất làm giảm cơ hội bán hàng.

Ngành hàng đùi ếch XK vào EU Mỹ được khai thác ổn định và tăng trưởng do nguồn cung nguyên liệu ổn định và ít cạnh tranh về giá, nhu cầu mua hàng của các nhóm khách hàng ếch từ Châu Âu và Mỹ thường xuyên.

b) Về gia công

Hoạt động gia công của các nhóm khách hàng nước ngoài vẫn được duy trì ổn định, khách hàng liên tục triển khai thêm các nhóm sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa chủng loại sản phẩm gia công.

Hợp tác gia công cá hộp tiếp tục được duy trì nhằm lấp đầy năng lực sản xuất của phân xưởng đóng hộp.

Mở thêm nhiều cơ hội hợp tác với các khách hàng gia công mới, từng bước ổn định sản lượng sản xuất sau giai đoạn sụt giảm từ các năm trước.

Doanh thu năm 2025 hoạt động gia công đạt: 79,17 tỷ đồng, chiếm 11,3% doanh thu toàn Công ty.

c) Kinh doanh nội địa

Doanh thu lũy kế đạt được 110,12 tỷ đồng, lợi nhuận đạt được 5,6 tỷ đồng.

Phòng KDND vẫn duy trì xúc tiến hoạt động kinh doanh thông qua các kênh phân phối hiện có: Hợp tác kinh doanh với hệ thống Cholimexfood, đẩy mạnh khai thác các kênh bán hàng truyền thống khu vực Miền Tây và mở rộng thêm các đại lý khu vực Miền Đông.

Hoạt động kinh doanh nội địa 3 tháng đầu năm giảm sức mua sau thời điểm Tết Âm lịch ở nhóm kênh siêu thị, để bù đắp nguy cơ sụt giảm doanh thu Phòng đã chủ động kết nối khai thác thị trường Miền Tây chủ lực đẩy mạnh kinh doanh các dòng sản phẩm xúc xích tiết trùng.

2. Tình hình tài chính

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ IV	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100	283,753,375,442	232,817,456,762
<u>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</u>	110	58,229,135,360	22,871,377,948
1. Tiền	111	45,483,199,744	22,871,377,948
2. Các khoản tương đương tiền	112	12,745,935,616	-
<u>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</u>	120	-	183,014,981
1. Đầu tư ngắn hạn	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	183,014,981
<u>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</u>	130	105,383,207,166	55,737,033,928
1. Phải thu của khách hàng	131	67,091,802,996	55,306,759,955
2. Trả trước cho người bán	132	3,070,339,351	2,635,704,030
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	37,624,994,876	198,500,000
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(2,403,930,057)	(2,403,930,057)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-
<u>IV. Hàng tồn kho</u>	140	114,118,342,787	148,142,731,874
1. Hàng tồn kho	141	120,668,342,787	149,692,731,874
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(6,550,000,000)	(1,550,000,000)
<u>V. Tài sản ngắn hạn khác</u>	150	6,022,690,129	5,883,298,031
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	6,000,434,539	5,861,042,441
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	22,255,590	22,255,590
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-

B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200	166,025,827,958	169,370,476,936
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	316,000,000	316,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác'	216	316,000,000	316,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	99,209,287,503	101,853,512,262
1. Tài sản cố định hữu hình	221	82,225,334,365	84,176,303,848
. Nguyên giá	222	248,155,363,850	247,525,393,171
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(165,930,029,485)	(163,349,089,323)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
. Nguyên giá	225	-	-
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	16,983,953,138	17,677,208,414
. Nguyên giá	228	26,506,568,000	26,506,568,000
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(9,522,614,862)	(8,829,359,586)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
. Nguyên giá	231	-	-
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-
IV. Tài sản dài hạn dở dang	240	-	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1,116,230,738	1,116,230,738
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	1,116,230,738	1,116,230,738
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	65,384,309,717	66,084,733,936
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	65,239,001,264	65,498,745,292
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	145,308,453	585,988,644
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	449,779,203,400	402,187,933,698

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ IV	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	241,134,531,166	223,066,392,070
I. Nợ ngắn hạn	310	227,678,681,314	198,432,816,910
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	36,633,806,441	47,800,215,269
2. Người mua trả tiền trước	312	4,289,320,830	2,515,788,751
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2,076,619,699	2,791,453,473

4. Phải trả người lao động	314	29,334,450,247	19,504,753,978
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4,968,608,337	5,811,713,439
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	9,202,867,359	7,087,782,119
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	136,870,079,342	110,661,578,010
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	4,302,929,059	2,259,531,871
II. Nợ dài hạn	330	13,455,849,852	24,633,575,160
1. Phải trả dài hạn người bán	331	2,205,849,852	7,055,575,160
2. Phải trả dài hạn nội bộ	335	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	337	-	1,300,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	338	11,250,000,000	15,750,000,000
5. Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	528,000,000
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
8. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	-	-

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	208,644,672,234	179,121,541,628
I. Vốn chủ sở hữu	410	208,644,672,234	179,121,541,628
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	108,000,000,000	108,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	108,000,000,000	108,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	10,800,000,000	10,800,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	8,446,988,961	8,446,988,961
8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	81,397,683,273	51,874,552,667
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	42,716,183,479	30,546,655,368
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	38,681,499,794	21,327,897,299
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	449,779,203,400	402,187,933,698

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh): Giá

trị tổng giá trị tài sản tăng 47,6 tỷ đồng so với năm trước. Nợ phải thu tăng 49,6 tỷ đồng so với năm trước chủ yếu là nợ luân chuyển, không có nợ phải thu quá hạn; hàng tồn kho giảm 34,02 tỷ đồng do cuối năm là thời điểm cao điểm bán hàng.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả tăng 18,1 tỷ đồng so với năm trước, chủ yếu nợ luân chuyển trong khả năng thanh toán, do chủ yếu tăng nợ vay ngắn hạn phục vụ kinh doanh, phải trả người lao động.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Không phát sinh nợ phải trả quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí.

- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại.

- Giữ vững thị phần, tăng cường marketing thúc đẩy phát triển thị trường nội địa.

- Nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất và thay thế lao động thủ công.

- Tìm giải pháp và xây dựng kế hoạch để thu hút nguồn lao động phổ thông đáp ứng nhu cầu gia tăng sản xuất của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Qua thực tế SXKD năm 2025, dự báo tình hình năm 2026 sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức, kế hoạch các chỉ tiêu cụ thể:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	
			Giá trị	So sánh KH/2025 (%)
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX				
1. Doanh thu	tỷ đồng	683,54	590.0	83.3
Trong đó Doanh số XK	triệu USD	20.47	17.7	86.5
1.1 Kinh doanh nội địa	tỷ đồng	110.12	130.0	118.0
1.2 Kinh doanh xuất khẩu	tỷ đồng	573,42	460.0	82,2
2. Sản lượng sản xuất	tấn	3,293.80	3,150.0	95.6
3. Sản lượng gia công	tấn	4,633.16	4,400.0	95.0
4. Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	39.68	28.0	70.6
4.1 Kinh doanh nội địa	tỷ đồng	5.60	6.5	116.1
4.2 Kinh doanh xuất khẩu	tỷ đồng	34.08	21.5	63.1
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI				
1. Doanh thu	tỷ đồng	7,81	10.0	128,0
Trong đó Doanh số XK	triệu USD	-	0.7	
2. Sản lượng sản xuất	tấn	969.06	558.0	57.6
3. Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	6.64	2.0	30.1
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI				
1.Doanh thu	tỷ đồng	3.15	-	
2. Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng		-	

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	
			Giá trị	So sánh KH/2025 (%)
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)				
1. Doanh thu	tỷ đồng	691,35	600.0	86.8
Trong đó Doanh số XK	triệu USD	20.06	18.4	91.7
2. Sản lượng sản xuất	tấn	4,262.86	3,708.0	87.0
3. Sản lượng gia công	tấn	4,633.16	4,400.0	95.0
4. Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	46.32	30.0	64.8

Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2026:

Năm 2026 Công ty sẽ tiếp tục đối diện nhiều thách thức khó khăn đặc biệt là từ các thị trường XK chính: Mỹ và Châu Âu, trước tình hình đó Ban Điều hành đề xuất phương hướng thực hiện nhằm hoàn thành KH SXKD như sau:

Tiếp tục duy trì ổn định hợp tác với các khách hàng gia công hiện có và tìm kiếm cơ hội từ các đối tác tiềm năng, phối hợp với khách hàng đa dạng hóa các nhóm sản phẩm nhằm gia tăng sản lượng năm 2026.

Duy trì và gia tăng sản lượng nguồn cung cấp nguyên liệu trong nước. Triển khai các nguồn cung nguyên liệu nhập khẩu.

Kiểm soát tốt các chi phí sản xuất, tối ưu hóa nguồn lực sản xuất, khai thác tối đa công suất thiết bị đầu tư mới, hợp lý hóa quy trình sản xuất.

Nâng cao hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát hạn chế tối đa sai lỗi trong quá trình sản xuất, lưu thông hàng hóa trên thị trường.

Khai thác tối đa năng lực sản xuất xúc xích tiết trùng, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng đủ sản lượng cho KH kinh doanh nội địa.

Phòng kinh doanh nội địa đẩy mạnh khai thác thị trường, đáp ứng hàng hóa phát triển kênh bán hàng thị trường Miền Tây, gia tăng các đối tác phân phối khu vực Miền Đông và tập trung khai thác thị trường mới Cambodia (sản phẩm Cá xốt cà). Nghiên cứu thêm các dòng sản phẩm xúc xích tươi xông khói, lập xưởng tươi, pate gan, cháo ăn liền... nhằm đa dạng sản phẩm mở rộng thị phần, gia tăng doanh thu trong năm 2026.

Hoạt động kinh doanh xuất khẩu tiếp tục khai thác các ngành hàng chủ lực: đùi ếch đông lạnh, ghẹ đóng hộp, cá đóng hộp. Tìm kiếm các thị trường mới thay thế cho các thị trường Mỹ và EU do khả năng tiềm ẩn nguy cơ cho các sản phẩm XK chủ lực.

Tiếp tục triển khai giải pháp tăng hiệu quả tồn trữ nguyên liệu, đảm bảo đáp ứng liên tục cho hoạt động kinh doanh.

Xây dựng phương án trình xin ý kiến HĐQT về việc đầu tư mới, bổ sung máy móc thiết bị cho sản xuất, cải tạo cơ sở hạ tầng các Phân xưởng Nhà máy.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Về tiêu thụ nước và năng lượng phục vụ cho quá trình sản xuất, Công ty luôn chủ trương sử dụng tiết kiệm.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CNV ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty hỗ trợ trao quà cho các hộ khó khăn tại địa phương vào dịp Tết Nguyên đán, đồng thời đóng góp ủng hộ các công tác văn hóa, xã hội khác cho địa phương khi có phát động phong trào: Phong trào làm sạch môi trường của Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, Phong trào Chăm lo gia đình có hoàn cảnh khó khăn của Phường Tân Phú...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 gồm 05 thành viên. Hội đồng quản trị luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, định hướng, chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Xây dựng và ban hành hệ thống quy chế quy định nội bộ đầy đủ, cập nhật kịp thời, tạo cơ chế quản trị thống nhất, góp phần đảm bảo lợi ích cổ đông.

- Đảm bảo thu nhập và việc làm, chăm lo tốt cho đời sống người lao động, thu nhập người lao động ngày càng tăng.

- Công ty quan tâm đầu tư các hạng mục liên quan đến công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, hướng đến chấp hành tốt quy định của pháp luật.

- Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, tham gia thực hiện tốt các phong trào do chính quyền phát động, các công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Ban Điều hành đã tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty để triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông giao; chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Triển khai thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng và báo cáo năm về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị; báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

- Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước; Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng quy định.

- Thực hiện tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, quan tâm công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của cán bộ nhân viên Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Thực hiện các chức năng quản trị Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và trình các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ Ban Điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 do Đại hội đồng cổ đông giao; tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Chỉ đạo Ban Điều hành rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phối hợp với Ban Kiểm soát giám sát tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex (đã gồm CN Hà Nội)	590	28	17,7	3.150	4.820
2	Chi nhánh Ba Tri	10	02	0,7	558	0
Tổng cộng		600	30	18,4	3.708	4.400

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm			
1	Ông Huỳnh An Trung	Chủ tịch HĐQT	20/4/2019 07/4/2023	-	30.000	0,2778	-

2	Ông Diệp Nam Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	12/6/2020 07/4/2023	-	-	-	-
3	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	09/4/2021 07/4/2023	-	-	-	-
4	Ông Lê Vĩnh Hòa	Thành viên HĐQT không điều hành	07/4/2023	-	1.944.000	18	Đại diện vốn Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam
5	Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên HĐQT	07/4/2023	-	-	-	-

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp):

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 04 cuộc họp gián tiếp (qua thư điện tử) để lấy ý kiến nhằm kịp thời hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp được tổ chức và tiến hành theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu giữ theo đúng quy định.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Huỳnh An Trung	08/08	100%	
2	Ông Diệp Nam Hải	08/08	100%	
3	Ông Lê Văn Hùng	08/08	100%	
4	Ông Lê Vĩnh Hòa	08/08	100%	Trực tiếp: 07; Ủy quyền 01 Lý do: Đi công tác, Ủy quyền cho Bà Lê Cao Thủy Linh - KSV
5	Bà Nguyễn Kim Hậu	08/08	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2025:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-TĐS-HĐQT	03/01/2025	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
2	02/QĐ-TĐS-HĐQT	06/01/2025	Nghị quyết về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
3	03/NQ-TĐS-HĐQT	13/01/2025	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương thực hiện giao dịch trong năm 2025 giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	100%
4	04/NQ-TĐS-HĐQT	13/01/2025	Nghị quyết về việc thông qua sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025	100%
5	05/NQ-TĐS-HĐQT	13/01/2025	Nghị quyết về việc xử lý nợ	100%
6	06/NQ-TĐS-HĐQT	13/02/2025	Nghị quyết về việc thông qua nội dung, địa điểm, thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
7	07/NQ-TĐS-HĐQT	07/5/2025	Nghị quyết về việc sử dụng hạn mức tín dụng	100%
8	08/NQ-TĐS-HĐQT	07/5/2025	Nghị quyết về việc vay bổ sung vốn lưu động	100%
9	09/QĐ-TĐS-HĐQT	07/5/2025	Quyết định về việc liên quan đến các giao dịch tín dụng tại Ngân hàng BIDV - CN Thủ Thiêm	100%
10	10/NQ-TĐS-HĐQT	06/6/2025	Nghị quyết về việc quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức năm 2024	100%
11	11/NQ-TĐS-HĐQT	06/6/2025	Nghị quyết về việc thay đổi hạng mức giao dịch trong năm 2025 với người có liên quan của người nội bộ	100%
12	12/NQ-TĐS-HĐQT	06/6/2025	Nghị quyết về việc thông qua kết quả kinh doanh Quý 1/2025 và kế hoạch Quý 2/2025	100%
13	13/NQ-TĐS-HĐQT	06/6/2025	Nghị quyết về việc đầu tư máy nhồi thịt các loại xúc xích tiết trùng từ 10g đến 90g	100%
14	14/NQ-TĐS-HĐQT	06/6/2025	Nghị quyết về việc thông qua Quỹ lương năm 2025	100%
15	15/NQ-TĐS-HĐQT	15/8/2025	Nghị quyết về việc thay đổi hạng mức giao dịch trong năm 2025 với người có liên quan của người nội bộ	100%

16	16/NQ-TĐS-HĐQT	15/8/2025	Nghị quyết về việc chọn lựa đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	100%
17	17/NQ-TĐS-HĐQT	15/8/2025	Nghị quyết thông qua nội dung phiên họp ngày 15/8/2025	100%
18	18/NQ-TĐS-HĐQT	20/10/2025	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	100%
19	19/NQ-TĐS-HĐQT	05/12/2025	Nghị quyết về việc Thông qua Thang Bảng lương Công ty.	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

đ) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát
Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS).

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Phạm Văn Tranh	Trưởng BKS	Ngày bắt đầu: 24/4/2018; 07/4/2023	Cử nhân Kinh tế
2	Ông Phạm Xuân Quang	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu: 01/9/2021	Cử nhân Kế toán
3	Bà Lê Cao Thùy Linh	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu: 07/4/2023	Cử nhân Kế toán

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Văn Tranh	03/03	100%	3/3	
2	Ông Phạm Xuân Quang	03/03	100%	3/3	
3	Bà Lê Cao Thùy Linh	03/03	100%	3/3	

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban Điều hành.

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ tài chính năm 2025 theo đúng pháp luật của nhà nước.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (Vietvalues).

- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

- Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký

Trong năm 2025, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công việc cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT với tổng mức thù lao là 576.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng) theo nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua.

Stt	Họ tên	Chức vụ	Tổng số tiền thù lao năm 2025 (đồng/năm)
1	Ông Huỳnh An Trung	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
2	Ông Lê Vĩnh Hòa	Thành viên HĐQT	72.000.000
3	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	72.000.000
4	Ông Diệp Nam Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000
5	Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên HĐQT	72.000.000
6	Ông Phạm Văn Tranh	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000
7	Ông Phạm Xuân Quang	Thành viên BKS	36.000.000
8	Bà Lê Cao Thùy Linh	Thành viên BKS	36.000.000
9	Bà Đặng Thị Loan	Thư ký	36.000.000
Tổng cộng			576.000.000

- Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty

Năm 2025, Ban Điều hành Công ty bao gồm 03 thành viên trong đó có:

+ 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty (kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty).

+ 02 (hai) thành viên chuyên trách điều hành Công ty (01 Phó Tổng Giám đốc + 01 Kế toán trưởng);

+ Năm 2025, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho Ban Điều hành Công ty (02 thành viên Ban Tổng Giám đốc + Kế toán trưởng).

- Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và người quản lý khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, đã được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty theo quy định.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần Transimex	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc	2.353.000	21,79%	2.450.300	22,69%	Lý do tăng: Mua Ghi chú: Số liệu theo danh sách Ngày đăng ký cuối cùng chốt quyền sở hữu do VSDC lập ngày 02/02/2026.
2	Ông Huỳnh An Trung	Người Nội bộ (Chủ tịch HĐQT)	0	0%	30.000	0,2778%	
3	Ông Trương Minh Thông	Người Nội bộ (Kế toán trưởng)	4.050	0,0375%	16.050	0,15%	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua (nếu có, ...)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty CP Transimex	Cổ đông lớn	0301874 259	172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, TP.HCM	08/5/2020	03/NQ-TĐS-HĐQT ngày 13/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc về dịch vụ vận chuyển, Tổng giá trị theo thực tế sử dụng dịch vụ Mua hàng: 3.956.867.637đ Bán hàng: 89.100.000đ	

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua (nếu có, ...)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
2	Công ty CP Thực phẩm Cholimex	Người có liên quan với Người nội bộ	030447574	Lô C40-43/I, lô C51-55/II, đường số 7, KCN.Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, TP.HCM	16/12/2019; 01/4/2021	03/NQ-TDS-HĐQT ngày 13/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa, Tổng giá trị theo thực tế từng đợt mua bán hàng hóa Giá trị giao năm 2025: Mua hàng: 0đ Bán hàng: 34.166.881.168 đ	
3	Chi nhánh Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) – Trung tâm Thương mại Cholimex	Người có liên quan với Người nội bộ	0301307933-007	631 Nguyễn Trãi, Phường Chợ Lớn TP. HCM	03/02/2020		Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa, Tổng giá trị theo thực tế từng đợt mua bán hàng hóa Giá trị giao dịch năm 2025: Mua hàng, dịch vụ: 3.234.261.060đ Bán hàng: 591.418.013 đ	
4	Công ty cổ phần Thương mại Phú Nhuận	Người có liên quan với Người nội bộ	0301428617	Số 314-316-318 Phan Đình Phùng, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	22/11/2019		Hợp đồng dịch vụ thuê hội trường, tiệc (mua): 131.500.000đ Bán hàng hóa: 19.116.000đ	
5	Công ty cổ phần Merufa	Người có liên quan với Người nội bộ	0300478598	38 Trương Quốc Dung, Phường Phú Nhuận, TP.HCM	16/12/2021		Mua hàng hóa: 454.780.001đ Bán hàng: 39.336.000 đ	
6	Công ty CP Transimex Logistics	Người có liên quan với Người nội bộ	0307821849	Tầng 2, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, Số 82 Trần Hiệu Liệt, Phường Cầu Kiệu, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	01/02/2023		Giá trị giao dịch năm 2025: Bán hàng: 2.700.000đ Mua dịch vụ: 2.556.239.771đ	
7	Công ty CP Vinaprint	Người có liên quan với Người nội bộ	0301306457	Lầu 2 số 56 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, TP.HCM	09/01/2024		Bán hàng: 277.331.214đ Mua hàng: 595.628.504đ	

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, ...)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
8	Công ty CP Dịch vụ Bến Thành	Người có liên quan với Người nội bộ	0305246978	390 Nguyễn Công Trứ, P. Cầu Ông Lãnh, Q.1, TP.HCM	04/01/2024	03/NQ-TĐS-HĐQT ngày 13/01/2025 11/NQ-TĐS-HĐQT ngày 06/06/2025	Bán hàng: 1.944.000đ Mua hàng: 465.482.258đ	
9	Công ty cổ phần Vinafreight	Người có liên quan với Người nội bộ	0302511219	Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, Số 82 Trần Hiệu Liệu, Phường Cầu Kiệu, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	14/01/2002	03/NQ-TĐS-HĐQT ngày 13/01/2025	Bán hàng: 33.480.000đ	
10	Công ty TNHH MTV Transimex Hi-Tech Park Logistics	Người có liên quan với Người nội bộ	0312967522	Lô BT, Đường D2, Khu Công Nghệ Cao Tp.Hồ Chí Minh, P.Tăng Nhơn Phú B, Tp.Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	29/09/2014		Bán hàng: 35.730.000đ	
11	Công ty CP Cảng Transimex	Người có liên quan với Người nội bộ	0317656055	429/8 đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	01/2025	03/NQ-TĐS-HĐQT ngày 30/01/2026	Bán hàng: 53.460.000đ	

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng phù hợp, mang lại hiệu quả.

đ) Các lưu ý khác của HĐQT: Không có

VI. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

1. Ý kiến của Kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (tổng hợp) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp)”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Chi tiết về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 đã được công bố thông tin tại trang web: www.seaspimex.com.vn (Trang Thông tin cổ đông/Báo cáo Tài chính năm 2025).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY 



Huỳnh An Trung
Chủ tịch Hội đồng quản trị

